TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 17-9-2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tân

Ông Nguyễn Đình Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trung Linh, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2021/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-8-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2021/QĐST - HNGĐ ngày 01-9-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn 3, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-7-2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 15-6-2006, anh và chị Lê Thị T tự nguyện đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, quyển số 01/2006, chung sống hạnh phúc, hòa thuận với nhau được 3 năm nhưng không có con nên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi nhau, làm cho cuộc sống càng ngày càng căng thẳng. Tháng 5 năm 2009 chị T bỏ đi đâu anh không biết, anh đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm nhưng mãi đến nay vẫn không có tin tức gì của chị T. Ngày 08-10-2020, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên bố chị T mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 13/2020/QĐST-VDS. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn chị Lê Thị T đã bị Tòa tuyên bố mất tích nên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tống đạt nhưng chị T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1]. Về thủ tục tố tụng**:* Chị Lê Thị T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa, nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do. Anh Bùi Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

***[2]. Về nội dung**:*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị T bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2009 đến nay không về. Theo Quyết định số 13/2020/QĐST-VDS ngày 08-10-2020, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên bố chị T mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, để chị T thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Tuy nhiên, vì chị T đã mất tích, không có tin tức xác thực đã trở về hay còn sống và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H. Như vậy, thực tế anh H và chị T không chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của anh H xin ly hôn chị T là phù hợp qui định tại Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày anh và chị T không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn H. Anh Bùi Văn H được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không có con chung, không có nợ chung, không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007745 ngày 22-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Như